

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
**CÔNG TY CỔ PHẦN
THIẾT BỊ ĐIỆN – VINACOMIN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

SỐ: 236 /BC – VEE

Quảng Ninh, ngày 13 tháng 5 năm 2015

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN - VINACOMIN
(Năm báo cáo 2014)

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch:
 - Tên đăng ký hợp pháp bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN - VINACOMIN
 - Tên đăng ký hợp pháp bằng tiếng Anh là: VINACOMIN-ELECTRICAL EQUIPMENT JOINT STOCK COMPANY.
 - Tên giao dịch của Công ty là: VEE
 - Công ty có biểu tượng riêng như sau: 
 - Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam.
 - Địa chỉ: Số 822 Đường Trần Phú - Phường Cẩm Thạch- Thành phố Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh
 - Điện thoại: 033.3862038
 - Fax: 033.3863037
 - Website: <http://vee-tkv.com.vn>
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5700353419
 - Vốn Điều lệ: 22.000.000.000 đồng (Hai mươi hai tỷ đồng chẵn).
- 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.**
- Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên	Mã ngành
01	Sản xuất biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện. Chi tiết. - Thiết kế chế tạo máy biến áp điện lực, biến áp đo lường, biến dòng đo lường, bảng điện có điện áp đến 220 kV. - Thiết kế chế tạo các trạm điện trọn bộ có điện áp đến 35 kV. - Thiết kế chế tạo các trạm biến áp phòng nổ có điện áp đến 10 kV. - Thiết kế chế tạo các tủ điều khiển phòng nổ, các trạm từ phòng nổ có điện áp đến 10 kV. - Thiết kế chế tạo các loại máy cắt, cầu dao, cầu chì có điện áp đến 220 kV.	2701
	Sản xuất các thiết bị điện khác. - Thiết kế chế tạo các thiết bị điện phòng nổ điện áp đến 10kV.	

02	+ Áp tô mát phòng nổ. + Khởi động từ phòng nổ. + Cầu dao phòng nổ. + Quạt gió phòng nổ. + Biến tần, khởi động mềm phòng nổ. + Tủ đo đếm điện năng phòng nổ. + Rơ le phòng nổ. + Đèn chiếu sáng phòng nổ. + Hộp nút bấm phòng nổ. + Sản xuất các phụ tùng điện từ gra phít.	2790
03	Lắp đặt hệ thống điện. <i>Chi tiết:</i> - Xây lắp trạm và đường dây điện thế đến 220 kV.	4321
04	Sửa chữa thiết bị điện. <i>Chi tiết:</i> - Sửa chữa các thiết bị điện có điện áp đến 220 kV. - Sửa chữa các thiết bị điện phòng nổ có điện áp đến 10 kV.	3314
05	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. <i>Chi tiết:</i> - Kiểm tra, hiệu chỉnh, thí nghiệm các thiết bị điện có điện áp đến 220 kV.	7120
06	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su. <i>Chi tiết</i> - Sản xuất các phụ tùng xe máy từ cao su.	2212
07	Sản xuất các cấu kiện kim loại. <i>Chi tiết:</i> - Gia công, chế tạo các sản phẩm kết cấu thép.	2511
08	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. <i>Chi tiết:</i> - Xuất nhập khẩu nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phụ tùng, hàng hóa	8299
09	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. <i>Chi tiết:</i> - Kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ, ăn uống, các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.	5510

- Địa bàn kinh doanh:

+ Trên toàn lãnh thổ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức và bộ máy quản lý.

- Mô hình quản trị:

+ Hội đồng Quản trị gồm: 05 thành viên.

+ Ban Kiểm soát gồm: 03 thành viên.

+ Ban Quản lý điều hành: 04 thành viên

- Cơ cấu tổ chức quản lý gồm:

* 09 Phòng:

- + Phòng Hành chính - Bảo vệ - Nhà ăn.
- + Phòng Tổ chức Lao động tiền lương - Đào tạo - Y tế - Kiểm toán nội bộ.
- + Phòng Kỹ thuật.
- + Phòng Kế toán – Tài chính.
- + Phòng Kinh doanh.
- + Phòng Công nghệ sản xuất.
- + Phòng Kế hoạch – Vật tư.
- + Phòng Sản phẩm mới – Đầu tư.
- + Phòng Quản lý chất lượng.

*** 05 Phân xưởng sản xuất:**

- + Phân xưởng Cơ khí & phụ tùng điện.
- + Phân xưởng Sửa chữa máy điện & Chế tạo thiết bị điện phòng nổ.
- + Phân xưởng Quấn dây máy biến áp.
- + Phân xưởng Lắp ráp máy biến áp.
- + Phân xưởng xây lắp điện.

3. Định hướng phát triển:

Phát huy nội lực, huy động các nguồn lực xây dựng Công ty cổ phần Thiết bị điện - Vinacomin giữ vững được thương hiệu VEE và là thành viên chế tạo sản phẩm có thương hiệu mạnh về cơ khí nhất của Tập đoàn TKV và cả nước.

Phân đầu SXKD hàng năm tăng trưởng từ 8 đến 10%, nâng cao thu nhập của người lao động hàng năm tăng từ 6 đến 8 %. Lợi nhuận tăng bình quân tăng từ 5 đến 8%. Cổ tức đạt từ 12% trở lên. Gắn liền tăng trưởng sản xuất với bảo vệ môi trường.

Hoàn thiện dự án đầu tư Nâng cao năng lực chế tạo thiết bị điện phòng nổ Nâng cao năng lực chế tạo Các loại máy biến áp, khởi động từ, máy biến tần, tủ khởi động mềm, quạt gió lò ..vv tiếp tục nghiên cứu các đề tài mới về thiết bị điện phòng nổ khai thác Than hầm lò xuống độ sâu hơn 1.000 mét với mục tiêu của Tập đoàn cho những năm tiếp theo và tiến tới thành lập mới Phân xưởng chế tạo thiết bị phòng nổ vào năm 2016 - 2017; đồng thời đầu tư hoàn thiện thiết bị thử nghiệm thành lập trung tâm thí nghiệm của Tập đoàn TKV tại Công ty vào năm 2016.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác khoán chi phí tại các đơn vị. Thực hiện tiết kiệm điện năng, tiết kiệm vật tư trong tất cả các khâu; Mua sắm, bảo quản, sử dụng và định mức tồn kho. Tăng mua trực tiếp từ các nhà sản xuất, giảm tồn kho vật tư. Rà soát, xây dựng bổ sung sửa đổi các quy chế đã ban hành phù hợp với pháp luật Nhà nước ban hành và thực hiện khoán, quyết toán khoán chi phí cho các đơn vị trong toàn Công ty.

4. Tổ chức và nhân sự viên chức quản lý:

4.1. Tóm tắt lý lịch: Ông Vũ Huy Hoàng.

Ông Vũ Huy Hoàng; Bí thư Đảng ủy- Ủy viên HĐQT, Giám đốc

- Sinh ngày 20 tháng 04 năm 1968 – Giới tính: nam
- Số CMND 100449018 - Ngày cấp 24/3/2008 Nơi cấp Công an tỉnh Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Từ Liêm – Thành phố Hà Nội.
- Nơi ở hiện nay: Số nhà – Tổ 3 - Khu Long Thạch B – Phường Cẩm Thạch – Thành phố Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh.
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện khí hóa & Cung cấp điện

- Trình độ chính trị; Cao cấp lý luận
- Chức vụ hiện nay: Bí thư Đảng ủy – Ủy viên HĐQT – Giám đốc Công ty.
- Quá trình công tác:
 - + Được tiếp nhận vào Công ty T1/1985 –T11/1985 Học nghề tại Công ty.
 - + T12/1985 - T9/1990 CN kiểm tra chất lượng tại Nhà máy s/c Điện mở.
 - + T10/1990 - T6/1995 Cán bộ kỹ thuật Công ty chế tạo TBĐ Cẩm Phả.
 - + Từ T7/1995 – T8/1997 Cán bộ phòng kế hoạch Công ty CTTBĐ Cẩm Phả.
 - + Từ T6/1995 –T8/1997 PPhòng Kế hoạch Công ty CTTBĐ Cẩm Phả.
 - + Từ T9/1997 –T10/1998 PP Kỹ thuật Công ty CTTBĐ Cẩm Phả.
 - + Từ T1/1998 –T3/1999 PQĐPX xây lắp Công ty CTTBĐ Cẩm Phả.
 - + Từ T4/1999 – T5/2000 PP Kỹ thuật Công ty CTTBĐ Cẩm Phả.
 - + Từ T6/2000 – T2/2003 QĐPX Xây lắp Công ty CTTBĐ Cẩm Phả.
 - + Từ T3/2003 –T5/2005 TP kế hoạch Công ty CTTBĐ Cẩm Phả.
 - + Từ T6/2005 – T4/2012 Phó Giám đốc Công ty CPTBĐ – Vinacomin.
 - + Từ T5/2012 –T2/2013 Quyền Giám đốc.
 - + Từ T3/2013 – T1/2015 Phó Bí thư Đảng ủy - Ủy viên HĐQT - Giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị điện – Vinacomin.
 - + Từ T2/2015 đến nay Bí thư Đảng ủy - Ủy viên HĐQT- Giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị điện – Vinacomin.

- Số cổ phần nắm giữ: 2.100 cổ phần.

Trong đó:

- + Sở hữu cổ phần cá nhân 2.100 cổ phần
- + Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: Không có.
- Số cổ phần do người liên quan nắm giữ: 15.700 cổ phần.
- Họ tên và quan hệ của người có liên quan: Ngô Thị Kim Dung – Quan hệ: Vợ
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

4.2. Tóm tắt lý lịch: Ông Phạm Trọng Hướng

Ông Phạm Trọng Hướng – Bí thư Đảng ủy - Phó Giám đốc

- Giới tính: Nam
- Số CMND:100021325 - Ngày cấp 07/12/2009 Nơi cấp Công an tỉnh Quảng Ninh
- Ngày sinh:13/01/1955
- Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc:Kinh
- Quê quán: Xã Thanh Lương-Huyện Vĩnh Bảo- Hải Phòng
- Địa chỉ thường trú: Tổ 12B- Phường Cẩm Tây-TP. Cẩm Phả-Tỉnh Quảng Ninh.
- Số điện thoại: 0913325861.
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện khí hóa xí nghiệp
- Quá trình công tác:
 - Từ tháng 12/1976 - 02/1990 – Cán bộ Kỹ thuật- Nhà máy sửa chữa điện mở
 - Từ tháng 03/1990 - 04/1995 - Trưởng phòng KCS- Nhà máy TBĐ mở.
 - Từ tháng 05/1995 - 12/1997 - Trưởng phòng KCS- Công ty chế tạo TBĐ Cẩm Phả.
 - Từ tháng 01/1998 - 06/1999 – TP. QLCL Công ty LD VINATAKAOKA
 - Từ tháng 07/1999 - 01/2006 - Thành viên ban Giám đốc- Trưởng phòng chế tạo

Công ty LD VINATAKAOKA

- Từ tháng 02/2006 - 03/2006 - Trưởng phòng chế tạo - Công ty chế tạo TBĐ Cẩm Phả
- Từ tháng 04/2006 - 12/2006 - Phó giám đốc Công ty chế tạo Thiết bị điện Cẩm Phả
- Từ tháng 12/ 2006 – 6/2012 – UV. HĐQT - Phó giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị điện – Vinacomin.

- Từ tháng 6/2012 đến 02/2015 giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy, UV. HĐQT, phó giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị điện – Vinacomin.

- Số cổ phần nắm giữ: 2.100 cổ phần.

Trong đó:

- + Sở hữu cổ phần cá nhân 2.100 cổ phần
- + Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: Không có.
- Số cổ phần do người liên quan nắm giữ: Không
- Họ tên và quan hệ của người có liên quan: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

4.3. Tóm tắt lý lịch của Ông Trần Văn Chín – Phó Giám đốc.

- Họ và tên: Trần Văn Chín.
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 06/07/1955
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Thụy Duyên-Huyện Thái Thụy-Tỉnh Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: Tổ 5, khu 5A -Phường Cẩm Trung-TP. Cẩm Phả-T Quảng Ninh
- Số CMND:100115346 - Ngày cấp 20/12/2004 - Nơi cấp Công an Tỉnh Quảng Ninh.
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện khí hoá xí nghiệp.
- Quá trình công tác:
 - Từ tháng 04/1978 - 10/1980 - Ban chuẩn bị sản xuất mỏ Mông Dương
 - Từ tháng 11/1980 - 04/1986 – Chuyên viên Phòng cơ điện mỏ Mông Dương
 - Từ tháng 05/1986 - 12/1987 - Trưởng phòng cơ điện mỏ Mông Dương
 - Từ tháng 01/1988 - 05/1989 CB kỹ thuật mỏ Mông Dương
 - Từ tháng 05/1989 - 01/1994 CB kỹ thuật Nhà máy thiết bị điện mỏ
 - Từ tháng 02/1994 - 06/1996 – Quản đốc phân xưởng sửa chữa thiết bị điện I công ty chế tạo thiết bị điện mỏ Cẩm Phả
 - Từ tháng 09/1997 - 03/2000 – TP. Kỹ thuật Công ty chế tạo Thiết bị điện Cẩm phả
 - Từ tháng 04/2000 - 10/2002 –TP. Kỹ thuật Công ty chế tạo thiết bị điện Cẩm Phả
 - Từ tháng 11/2002 - 09/2004 - Phó Giám đốc Công Ty chế tạo thiết bị điện Cẩm Phả
 - Từ tháng 10/2004 - 12/2006 - Phó Giám đốc Công ty chế tạo thiết bị điện Cẩm Phả
 - Từ tháng 01/2006 đến nay là Phó Giám đốc Công ty cổ phần TBĐ – Vinacomin.
- Số cổ phần nắm giữ: 5.000 cổ phần.

Trong đó:

- + Sở hữu cổ phần cá nhân 5.000 cổ phần
- + Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: Không có.
- Số cổ phần do người liên quan nắm giữ: Không
- Họ tên và quan hệ của người có liên quan: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

4.4. Tóm tắt lý lịch của Bà Đoàn Thị Hằng – Phó Giám đốc.

- Họ và tên: Đoàn Thị Hằng

- Giới tính: Nữ

- Số CMND: 100608623- ngày cấp 02/06/2005 – Nơi cấp Công an Tỉnh Quảng ninh

- Ngày sinh: 10/05/1965

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Xã Xuân Vinh-Huyện Xuân Trường-Tỉnh Nam Định

- Địa chỉ thường trú : Tổ 6, Khu đập nước 1- P. Cẩm Thủy -TP Cẩm Phả- Quảng Ninh.

- Số điện thoại: 0906086828

- Trình độ văn hóa: 10/10

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

- Quá trình công tác:

- Từ tháng 09/1988 - 07/1997- Cán bộ kế toán Công ty chế tạo TĐD Cẩm Phả

- Từ tháng 7/1997 – 02/2006 – PP. Kế toán Công ty chế tạo thiết bị điện Cẩm Phả

- Từ tháng 3/2006 - 08/2006 - TP. Kế toán Công ty chế tạo thiết bị điện Cẩm Phả

- Từ tháng 09/2006 - 12/2006 - Kế toán trưởng Công ty chế tạo thiết bị điện Cẩm Phả

- Từ tháng 01/2007 - 9/2014 -Kế toán trưởng Công ty cổ phần TĐD – Vinacomin.

- Từ tháng 10/2014 đến nay là phó Giám đốc Công ty cổ phần TĐD – Vinacomin.

- Số cổ phần nắm giữ: 1700 cổ phần.

Trong đó:

+ Sở hữu cổ phần cá nhân 1.700 cổ phần

+ Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: Không có.

- Số cổ phần do người liên quan nắm giữ: 1.800 cổ phần.

- Họ tên và quan hệ của người có liên quan: Hà Trường Giang, quan hệ: Chồng

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a, Cổ phần: Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 2.200.000 cổ phần, với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần. Tất cả các cổ đông của Công ty đều là cổ phần phổ thông.

b, Cơ cấu cổ đông:

- Cổ đông trong nước sở hữu: 2.200.000 cổ phần chiếm 100% với:

+ Cổ đông tổ chức sở hữu: 1.688.370 cổ phần chiếm 76,74%

+ Cổ đông cá nhân sở hữu: 511.630 cổ phần chiếm 23.26%

+ Cổ đông nước ngoài: Không có.

c, Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi

d, Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

đ, Các chứng khoán khác: Không.

II. Tình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2014:

1. Thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

Trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2013 Công ty cổ phần Thiết bị điện – Vinacomin tiếp tục triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2014.

2. Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2014:

2.1. Kết quả kinh doanh:

A.Chỉ tiêu chủ yếu:

- Thực hiện chỉ tiêu phối hợp sản xuất kinh doanh giữa Công ty với Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam năm 2014

Doanh thu đạt là: 215,7 tỷ/210,5 tỷ bằng: 103% KH năm, tăng so với thực hiện năm 2013 là 14,3%.

Trong đó: + Doanh thu trong TKV: 57,2 tỷ bằng 26,4%.

+ Doanh thu ngoài TKV: 159,5 tỷ bằng 73,6%

Lao động bình quân 391 người/419 người kế hoạch đạt 93,36%

Thu nhập người lao động bình quân toàn Công ty 6.437.000/6.054.000 đồng /người/tháng đạt 108,5%, tăng so với thực hiện năm 2013 là 18,9%.

Kết quả lợi nhuận năm: 6.108/6.000 triệu đạt 102% tăng so với thực hiện năm 2013 là 2,4%.

Cổ tức chi trả 12% năm.

Thực hiện tốt công tác quản trị chi phí bảo toàn vốn và các khoản giao nộp Nhà nước và cấp trên theo quy định.

- Chăm lo ổn định đời sống tinh thần, vật chất cho người lao động.

+ Các chỉ tiêu hiện vật:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH năm 2014	TH năm 2014	Thực hiện 2013	Tỷ lệ %năm 2014	Tỷ lệ % năm 2014/2013
1	2	3	4	5	4/3	4/5
I . Sản phẩm chế tạo mới						
Biến áp dầu các loại dưới 110KV	Cái	31	14	33	45,2	42,4
Biến thế dầu loại 110KV	Cái	10	12	12	120,0	100,0
Trạm biến áp di động P Nổ	Trạm	31	07	14	22,5	50,0
Trạm trọn bộ kiểu kết	Cái	09	04	03	44,4	133,3
BT khoan, chiếu sáng Pnổ	Cái	79	34	16	43,0	212,5
Khởi động từ, áp tô mát P nổ	Cái	375	282	277	75,0	101,8
Quạt gió lò	Cái	109	43	48	39,5	89,5
Máy biến áp hàn các loại	Cái	20	02	08	10,0	25,0
Tủ điện cao hạ thế các loại	Cái	20	05	21	25,0	23,8
Tủ biến tần, Khởi động mềm	Cái	69	18	15	26,0	120,0
Chế tạo cầu dao, cầu chì các loại	Cái	53	53	22	100,0	240,9
II. Sản phẩm sửa chữa						
Sửa chữa động cơ các loại	Cái	580	353	363	60,8	97,2
Sửa chữa biến thế dầu+ khô	Cái	28	23	29	82,2	79,73
Sửa chữa biến thế phòng nổ	Cái	18	03	12	16,7	25,0
III. Sản phẩm cao su -Than điện						
Chổi than điện	Viên	34.000	34.000	20.112	100,0	169,0
Joong phốt cao su	Cái	50.000	50.000	130.310	100,0	38,4

Cao su vá cáp	Kg	4.000	4.000	3.241	100,0	123,4
IV. Xây lắp công trình	Triệu	3.000	4.200	2.657	140,0	158,0
V. Thí nghiệm hiệu chỉnh	Triệu	1.320	3.710	1.160	291,0	319,8

2.2. Đánh giá các mặt quản lý:

2.1- Công tác tổ chức: Ổn định tổ chức sản xuất tại các đơn vị phân xưởng phòng, phân xưởng trong giai đoạn đầu tư mới nhà xưởng và điều chuyển lao động phù hợp với chức năng nhiệm vụ theo chỉ tiêu sản xuất kinh doanh. Duy trì việc phân công chức năng nhiệm vụ cho các đồng chí trong Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và từng đơn vị phòng ban, phân xưởng.

- Công ty đã tổ chức đánh giá lại chất lượng lao động các phòng ban và thực hiện tái cơ cấu theo chỉ đạo của Tập đoàn TKV. Năm 2014 đã giảm người lao động quản lý và phục vụ phụ trợ theo đúng quy định.

- Tổ chức sáp nhập các phòng phù hợp với mô hình quản lý của Công ty từ 11 phòng này giảm xuống còn 09 phòng theo lộ trình tái cơ cấu của TKV.

- Về công tác cán bộ: Điều động luân chuyển cán bộ phù hợp chức năng của từng đồng chí đạt hiệu quả cao trong công tác quản lý điều hành. Công ty đã bổ nhiệm chức danh 01 đồng chí phó Giám đốc, 01 đồng chí quyền trưởng phòng Kế toán – Tài chính và 01 phó phòng Kế hoạch - Vật tư. Các chức danh đề bạt thực hiện đúng quy trình theo quy chế quản lý cán bộ của Công ty và quy chế quản lý cán bộ của TKV ban hành. Năm 2013, năm 2014 Công ty tổ chức thi tuyển chức danh 01 Phó quản đốc (quản đốc) PX cơ khí, 01 phó phòng QLCL và 01 phó quản đốc PX Quấn dây theo quy chế thi tuyển cán bộ.

- Thực hiện Quyết định số 314/QĐ – TTg ngày 07/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch tái cơ cấu của Tập đoàn năm 2014 số 1283/TKV-TCCB ngày 10/3/2014; Công văn số 1452/TKV –TCCB về việc bán bớt cổ phần của Tập đoàn tại Công ty để giảm tỷ lệ nắm giữ vốn Điều lệ của Tập đoàn tại Công ty từ 76,74% xuống còn 26%. Công ty đã tổ chức thực hiện hoàn thiện phương án tái cơ cấu, đúng tiến độ yêu cầu của Ban chỉ đạo và trình xin ý kiến của Tập đoàn các bước tiếp theo.

2.2- Công tác kinh doanh: Lãnh đạo Công ty chỉ đạo thực hiện công tác sản xuất kinh doanh trên cơ sở nhiệm vụ sản xuất trong tháng, quý theo kế hoạch năm.

- Tăng cường chủ động công tác tiếp thị khai thác việc làm trong các đơn vị thành viên TKV tiêu thụ các sản phẩm thiết bị phòng nổ. Năm 2014 đã sản xuất tiêu thụ được 12/10 máy biến áp 110 KV và giao hàng theo hợp đồng các thiết bị phòng nổ cho khách hàng kịp thời theo tiến độ.

- Tiếp tục tham gia đấu thầu chào giá máy biến áp 110 kV tại các Công ty điện lực và sửa chữa thiết bị điện các ngành Xi măng, Thủy nông và Thủy điện ..vv.

2.3- Công tác Công nghệ sản xuất: Công tác điều hành sản xuất được duy trì trên cơ sở nhiệm vụ sản xuất trong kỳ, tháng và kết thúc quý, năm theo kế hoạch. Kết quả thực hiện đảm bảo tiến độ sản xuất và cung cấp sản phẩm chế tạo, sửa chữa đảm bảo chất lượng và thời gian theo yêu cầu của khách hàng.

2.4- Công tác Tài chính: Thực hiện tiêu thụ sản phẩm bán hàng đạt kết quả doanh thu, thu hồi công nợ và chuẩn bị tài chính phục vụ cho sản xuất và đời sống CBCNV. Thực hiện tốt công tác quản trị chi phí trong năm, đảm bảo vòng qua vốn, hiệu quả trong sản xuất kinh doanh và các quy định của Nhà nước ban hành.

2.5- Công tác Kỹ thuật: Công ty duy trì sử dụng có hiệu quả công nghệ chế tạo máy biến áp trung gian thực hiện lô thầu thiết bị điện máy biến áp 110KV nâng cao chất lượng tạo được uy tín thương hiệu của Công ty được các ban hàng tín nhiệm và thiết kế chế tạo thêm các sản phẩm nâng cao công suất và chủng loại thiết bị phòng nổ phục vụ các công ty than hầm lò trong TKV.

- Trong năm tham gia thiết kế mới và thiết kế chào thầu và sửa chữa đảm bảo đúng tiến độ yêu cầu của sản xuất kinh doanh. Công tác sáng kiến Hội đồng duyệt sáng kiến Công ty xét duyệt được 41 sáng kiến, cải tiến kỹ thuật và thưởng sáng kiến tổng số 175.927.000 đồng.

- Thực hiện hoàn thiện thiết kế chế tạo nâng cao công suất máy biến áp phòng nổ kiểu kín đến 1.250 KVA - 6/0,4 - 1,119 KV và Áp tô mát, khởi động từ phòng nổ.kép có dòng định mức tới 500 A điện áp 0,4 kv đến 6,9 KV. Kết quả thử nghiệm đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật và trở thành hàng hóa tiêu thụ sản phẩm cho các mỏ hầm lò.

2.6- Công tác đầu tư: Năm 2014 Công ty được Tập đoàn phê duyệt dự án: Đầu tư mới, Nâng cao năng lực chế tạo thiết bị điện phòng nổ tổng vốn đầu tư là 35,683 tỷ đồng.

- Năm 2014 Công ty đã thực hiện được giá trị đầu tư mới và sửa chữa thiết bị là: 11.596 triệu đồng đạt kế hoạch năm.

- Thi công hoàn thiện gói thầu số: 09: Tháo dỡ nhà xưởng cũ và xây dựng mới giá trị 2.600 triệu đồng.

- Thi công hoàn chỉnh gói thầu số 10: Xây dựng nhà xưởng giá trị 8.100 triệu đồng.

- Sửa chữa thiết bị máy công cụ đúng tiến độ theo kế hoạch được duyệt giá trị thực hiện là 585 triệu đồng,

- Mua sắm thiết bị điều hòa phục vụ cho nhà ăn công nghiệp 400 chỗ ngồi giá trị 311 triệu đồng.

2.7- Công tác chuẩn bị vật tư: Chủ động tìm các nhà cung cấp đồng thời thường xuyên theo dõi đánh giá nhà nhà cung cấp và có biện pháp yêu cầu nhà cung cấp thực hiện đúng tiến độ của các đơn hàng đảm bảo chất lượng. Tổ chức tốt việc chuẩn bị nhu cầu vật tư và thiết bị chế tạo máy biến áp 110 KV, sản phẩm thiết bị điện phòng nổ và các sản phẩm trong kỳ sản xuất.

2.8- Công tác Quản lý chất lượng: Công ty duy trì tổ chức thực hiện quản lý chất lượng ISO 9001 – 2008 và trực tiếp tham gia đoàn công tác chăm sóc khách hàng sau bán hàng để ghi nhận những hạn chế trong quá trình cung cấp sản phẩm và đã chủ động đề xuất trong thiết kế và chuyển thành hàng hoá trong việc cung cấp vật tư thiết bị cho khách hàng được tốt hơn với mục tiêu “ Chất lượng – Hiệu quả - Thương hiệu – Phát triển bền vững”.

- Năm 2014 còn đề xảy ra lỗi phải sửa bảo hành thiết bị và chi phí tiền lương phải trả cho người lao động, chi vật tư và các chi phí khác kèm theo.

2.9- Công tác an toàn: Kết quả năm 2014 Công ty không để xảy ra tai nạn nặng về người và thiết bị. Công tác môi trường, phòng chống cháy nổ, thiết bị nghiêm ngặt về an toàn và các quy định về công tác an toàn người lao động được huấn luyện theo quy định đồng thời được kiểm tra giám sát thường xuyên. Chấm điểm An toàn kiểm tra theo quy định Công ty đạt 96/100 điểm đạt giới. Năm 2014 được Tập đoàn TKV xếp loại đạt “ Loại giỏi”.

2.10- Công tác bảo vệ quân sự và bảo vệ nội bộ: Thường xuyên tăng cường mạng lưới bảo vệ canh gác trực ca trong các ngày lễ, tết đảm bảo an toàn trong Công ty và dân cư xung quanh địa bàn. Về công tác dân quân tự vệ tổ chức huấn luyện quân sự và bắn đạn thật cho

các chiến sỹ dưới sự giám sát của Ban chỉ huy quân sự thành phố Cẩm Phả: Kết quả đạt khá và giỏi.

- Năm 2014 Công ty được tặng: Giấy khen của Ban chỉ huy Quân sự thành phố Cẩm Phả “Đơn vị đã có thành tích xuất sắc trong công tác Quốc phòng địa phương và an ninh tự quản”.

2.11- Công tác chăm lo đời sống CBCNV:

- Công ty đã chuẩn bị và lo cho CBCNV đủ về tinh thần vật chất trong các ngày lễ trong năm chi từ 500.000 đến 1.000.000 đồng/ người cho các ngày lễ.

- Về việc làm trong năm Công ty duy trì ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động bình quân 6.437.000 đồng/người/tháng. Công ty tổ chức cho toàn thể CBCNV tham quan du lịch chi bình quân 1.000.000 đồng /người từ quỹ phúc lợi và giao các đơn vị tự tổ chức cho toàn thể CBCNV trong đơn vị. Năm 2014 Công ty tổ chức cho 45 cán bộ quản lý và các đồng chí đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua đi tham quan học tập và khảo sát thị trường kinh doanh tại các tỉnh miền Trung được Công ty hỗ trợ 3/5 chi phí chuyến đi.

- Công ty tổ chức kiểm tra khám sức khỏe định kỳ năm cho cán bộ quản lý từ phòng trở nên tại Bệnh viện Than – Khoáng sản Việt Nam và toàn bộ công nhân viên do Trung tâm Y tế Cẩm Phả đến tại Công ty kiểm tra định kỳ hàng năm được 100% CBCNV đến khám và được tư vấn cho những người có bệnh và hướng điều trị. Tổng chi phí hợp đồng khám sức khỏe và chi bồi dưỡng cho CBCNV là: 263 triệu đồng.

- Công tác xã hội: Công ty thực hiện đỡ đầu 01 cháu gia đình chất độc Da cam và ủng hộ các quỹ từ thiện trong năm số tiền là: 30.950.000 đồng.

- Công tác đời sống duy trì chi toàn bộ bữa ăn công nghiệp bình quân 24.000 đồng/xuất và phục vụ bồi dưỡng bằng hiện vật K3 là 6.000 đồng, độc hại 10.000 đồng cho số công nhân làm việc ở khu vực có độc hại. Chăm sóc sức khỏe chế độ điều dưỡng tại chỗ cho 13 người nghỉ dưỡng sức sau khi sinh con và nghỉ điều dưỡng sức khỏe cho 25 CBCNV tại khu điều dưỡng tỉnh Thái Nguyên được TKV phân bổ. Nấu cháo bồi dưỡng giữa giờ hàng ngày, cấp nước khoáng mặn phục vụ uống giải khát trong những nắng nóng cho người lao động trực tiếp sản xuất tại các xưởng.

- Tổ chức học kèm cặp, thi nâng bậc và nâng bậc cho 26 công nhân, nâng bậc lương cho 3 công nhân đạt thợ giỏi cấp Tập đoàn và nâng lương cho 21 CBCNV

- Về nhà ở: Công ty hoàn tất các thủ tục của thành phố Cẩm Phả cấp nhà và đất ở cho các hộ đang cư trú tại khu tập thể Km5 Công ty.

- Về chính sách phân phối tiền lương năm 2014; Căn vào Quy chế quản lý lao động và tiền lương của Công ty, Quy định phân phối tiền lương của các phân xưởng.

- Chi hỗ trợ cho người lao động nghỉ chờ việc do chưa bố trí đủ việc làm với mức lương tối thiểu 1.050.000 đồng/tháng; Chi hỗ trợ tổng số tiền là 297.072.060 đồng với tổng số công là; 7.356 công.

* Nhận xét chung:

Lãnh đạo Công ty đã lãnh đạo thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2014. Tinh thần đoàn kết kỷ luật và đồng tâm. Sản xuất kinh doanh hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế đề ra, đời sống, tinh thần vật chất người lao động được cải thiện, Thu nhập người lao động được ổn định trước suy thoái kinh tế chung.

Chất lượng sản phẩm được khẳng định uy tín trên thị trường trong Tập đoàn TKV cũng như các ngành kinh tế khác với mục tiêu đề ra “Chất lượng – Thương hiệu – Hiệu quả & Phát triển bền vững.”

III. Đánh giá kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty

Năm 2014 là năm thứ 3 nhiệm kỳ thứ II Công ty chuyển sang hoạt động theo tổ chức của Công ty Cổ phần, với kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013 và những bài học kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo, sự đoàn kết, năng động của HĐQT, Ban Giám đốc Công ty cùng toàn thể CBCNV trong Công ty đã khắc phục được các tồn tại, tìm ra những giải pháp phù hợp và lãnh đạo Công ty hoàn thành tốt hợp đồng phối hợp sản xuất kinh doanh năm 2014 giữa Công ty với Tập đoàn TKV

1. Công tác tổ chức và hoạt động của HĐQT

HĐQT được đại hội đồng cổ đông ngày 26 tháng 4 năm 2014 thông qua nghị Quyết về chương trình sản xuất kinh doanh năm 2014 HĐQT đã bám sát Điều lệ tổ chức, hoạt động và Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông. Trong năm HĐQT đã tổ chức họp định kỳ và họp đột xuất tổng 09 phiên họp để giải quyết những vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty như: Phê duyệt kế hoạch và phương án xuất kinh doanh và Ký duyệt các hạng mục đầu tư. Từng cuộc họp nội dung cụ thể và ghi thành nghị quyết giao cho Ban Giám đốc điều hành thực hiện gồm các nội dung sau.

1.1. - Phê duyệt: - Vay vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

- Về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án mua sắm máy điều hòa cho nhà ăn công nhân 400 chỗ.

1.2. Phê duyệt: Thanh lý tài sản cố định: Nhà xưởng phá dỡ để xây dựng đầu tư mới; thiết bị đã trích hết khấu hao và lạc hậu kỹ thuật đã hư hỏng nhiều không sử dụng được.

1.3. Phê duyệt: Báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án: Mua sắm xe điều hành sản xuất (Xe ô tô TOYOTA 7 chỗ ngồi).

1.4. Nghị quyết liên tịch giữa Hội đồng quản trị và Ban Thường vụ Đảng bộ Công ty về việc Bổ nhiệm thêm 01 Phó Giám đốc và Trưởng phòng Kế toán – Tài chính Công ty.

1.5. Phê duyệt Quy chế: - Quy chế thi thợ giỏi cấp Công ty.

- Quy chế thi tuyển cán bộ quản lý trong Công ty.

- Quy chế quản lý lao động và Tiền lương.

1.6. Nghị quyết liên tịch giữa Hội đồng quản trị và Ban Thường vụ Đảng bộ Công ty Bổ nhiệm phó Giám đốc thay vị trí đồng chí phó Giám đốc nghỉ hưu..

1.7. Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015

1. 8. Phê duyệt phân phối lợi nhuận năm 2014.

1.9. Tổ chức đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.

Trong năm qua Hội đồng quản trị Công ty tìm nhiều biện pháp tích cực chỉ đạo, lãnh đạo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 theo bản ký kết phối hợp sản xuất kinh doanh với Tập đoàn công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam đều hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đề ra theo kế hoạch năm.

Mọi hoạt động của Công ty đã thực hiện trong khuôn khổ pháp luật và Điều lệ cũng như các quy chế trong từng lĩnh vực quản lý của Công ty và của Tập đoàn TKV đã ban hành làm cơ sở điều hành trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

Các quy chế đã thực hiện theo pháp luật, Điều lệ hoạt động và thực tiễn kinh doanh trong cơ chế thị trường cùng với sự uỷ quyền cao nhất tạo điều kiện thông thoáng cho bộ máy viên chức quản lý lãnh đạo điều hành Công ty.

2. Công tác kiểm tra giám sát hoạt động của Ban giám đốc, cán bộ điều hành Công ty.

Thực hiện điều hành Công ty được nề nếp và liên tục, HĐQT đã kịp thời họp và ra nghị quyết điều chỉnh nhiệm vụ các chức danh các thành viên HĐQT khi thay đổi nhân sự và

thông qua để Giám đốc điều hành mô hình tổ chức phòng, phân xưởng và cán bộ quản đốc, trưởng phòng.

Ban Giám đốc đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng người và có sự điều chỉnh chức năng nhiệm vụ cho phù hợp với từng giai đoạn trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh. Nhiệm vụ của từng người đã được HĐQT theo dõi giám sát, nhắc nhở thường xuyên và nhận xét đánh giá cuối năm lưu hồ sơ cán bộ.

3. Công tác giám sát chỉ đạo sản xuất, bảo toàn và phát triển vốn.

Mặc dù 6 tháng đầu năm 2014, Công ty gặp nhiều khó khăn thiếu việc làm do các dự án đầu tư của các đơn vị thành viên trong Tập đoàn phê duyệt thực hiện chậm, thị trường giá vật tư cũng biến động theo. HĐQT đã chủ động nắm bắt diễn biến của thị trường, tăng cường mối quan hệ với các đối thành viên trong TKV xúc tiến ký kết hợp đồng nguyên tắc chế tạo sản phẩm mới, Đề ra Nghị quyết phù hợp để Ban giám đốc phát huy được năng lực điều hành, điều chỉnh kịp thời về thị trường để Công ty vượt qua được khó khăn, vươn lên trong các tháng. Chính vì thế đã đem lại những kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014 cụ thể là:

- Doanh thu đạt là: 215,74 tỷ/210,5 tỷ đạt: 103% KH năm, tăng so với thực hiện năm 2013 là 14,3%.

Trong đó: + Doanh thu trong TKV: 56,24 tỷ bằng 26,4%.

+ Doanh thu ngoài TKV: 159,5 tỷ bằng 73,6%

- Lao động bình quân 391 người/419 người kế hoạch đạt 93,36%

- Thu nhập người lao động bình quân toàn Công ty 6.437.000/6.054.000 đồng /người/tháng đạt 106,0%,

- Thực hiện tốt công tác quản trị chi phí bảo toàn vốn và các khoản giao nộp Nhà nước và cấp trên theo quy định.

- Chăm lo ổn định đời sống tinh thần, vật chất cho người lao động.

- Kết quả lợi nhuận năm: 6.108/6.000 triệu đạt 102 %.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp, Lãi chênh lệch tỷ giá; 1.567.011.913 đồng.

- Trừ lợi nhuận sau thuế còn lại để trích lập các quỹ, trả cổ tức: 4.531.895.346 đồng

+ Chi trả cổ tức: 12% năm: 2.640.000.000 đồng

+ Quỹ đầu tư phát triển: 567.568.604 đồng

+ Quỹ khen thưởng: 857.028.719 đồng

+ Quỹ phúc lợi: 367.298.023 đồng

+ Quỹ Ban điều hành công ty 100.000.000 đồng

Trong quá trình điều hành, HĐQT đã chỉ đạo tốt việc quản trị chi phí từ khâu lập kế hoạch mua sắm vật tư, tổ chức lao động, thu hồi công nợ và các mặt quản lý của Công ty.

Với đặc thù chủng loại vật tư nhập ngoại là chủ yếu thiết bị, phụ kiện cho sản phẩm chế tạo. Nhưng lãnh đạo Công ty đã thực hiện tốt hiệu quả kinh doanh tăng vòng quay vốn.

4. Giải pháp thực hiện KH SXKD năm 2015:

Kết quả báo cáo tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014, để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2015 thực hiện các chỉ tiêu chính như sau:

- Doanh thu 220,0 tỷ đồng phấn đấu tăng từ 05 đến 10%

- Lợi nhuận đạt 4,5 tỷ đồng theo kế hoạch.

- Chi trả cổ tức 12% năm.

- Lao động bình quân 415 người.

- Thu nhập bình quân 6.400.000 đồng/người/tháng phấn đấu tăng từ 03 > 8 % năm

* HĐQT chỉ đạo làm tốt các nhiệm vụ sau:

- Chủ động chuẩn bị các nguồn vốn cho sản xuất và đời sống người lao động
- Công tác đầu tư xây dựng Đầu tư mới, đưa vào khai thác sử dụng hiệu quả đầu tư: Nâng cao năng lực chế tạo thiết bị điện phòng nổ năm 2015, thực hiện đúng tiến độ mua sắm thiết bị mới của dự án, kế hoạch sửa chữa lớn đề ra.
- Tăng cường công tác tiếp thị, đặc biệt trong lĩnh vực cung cấp biến thể Trung gian và biến thể phân phối để mở rộng thị trường và phát huy được công suất dây chuyền chế tạo máy biến thể.
- Tranh thủ sự giúp đỡ của lãnh đạo, các Ban của Tập đoàn và các đơn vị thành viên trong TKV để nắm bắt các nhu cầu về đầu tư, mua sắm thiết bị phòng nổ, xây dựng công trình điện để xúc tiến công tác chào giá, đấu thầu và xin chỉ định thầu của Tập đoàn
- Chủ động - Phát huy tối đa tiềm năng các nguồn lực: Lao động, thiết bị công nghệ và cơ sở vật chất để hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2015.

IV. Quản trị Công ty:

1. Hội đồng Quản trị cơ cấu gồm: 05 thành viên.

1.1. Ông Nguyễn Trọng Hùng - Trưởng Ban –Thành viên Ban quản lý vốn TKV - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

1.2. Ông Vũ Huy Hoàng – UV HĐQT – Giám đốc điều hành

1.3. Ông Phạm Trọng Hương – UV HĐQT – Phó Giám đốc

1.4. Bà Đoàn Thị Hằng - UV HĐQT – Phó Giám đốc

1.5 Ông Phạm Văn Phụng - UV HĐQT – TP. Công nghệ sản xuất.

- Ông Nguyễn Trọng Hùng – Trưởng Ban - Thành viên Ban quản lý vốn Đầu tư tại các doanh nghiệp của TKV - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thiết bị điện – Vinacomin. Là người được TKV giao quản lý vốn của TKV và mọi hoạt động tại Công ty. 03 thành viên kiêm nhiệm chức vụ viên chức quản lý của Công ty và 01 thành viên HĐQT không nằm trong ban điều hành. Hội đồng quản trị Công ty đã có nghị quyết phân công nhiệm vụ chức năng cụ thể cho các thành viên theo từng lĩnh vực quản lý, sản xuất kinh doanh phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của mỗi thành viên

2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị.

- Các phòng ban trong Công ty được giao chức năng nhiệm vụ đồng thời là các tiểu ban giúp việc cho HĐQT công ty đã tham mưu giúp HĐQT điều hành thực hiện sản xuất kinh doanh và các mặt quản lý được giao đạt được hiệu quả trong năm.

3. Nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị.

Hội đồng quản trị Công ty tổ chức các phiên họp định kỳ, họp đột xuất để quyết định những vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác tổ chức cán bộ, phê duyệt phương kế hoạch, phương án sản xuất kinh doanh và phê duyệt các hạng mục đầu tư. Từng phiên họp các nội dung cụ thể đã được ghi thành Nghị quyết giao cho Ban Giám đốc công ty tổ chức thực hiện và báo cáo theo quy định.

4. Ban kiểm soát:

a, Thành viên và cơ cấu của ban kiểm soát gồm: 03 thành viên.

- Ông Phạm Xuân Phong – Trưởng phòng Kế toán tổng hợp - Ban kế toán TKV – Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thiết bị điện – Vinacomin.

- Ông Nguyễn Đức Tuyển - Thành viên BKS – PP. Tổ chức lao động tiền lương

- Ông Nguyễn Văn Dũng – Thành viên BKS – TP. Hành chính – Bảo vệ - Nhà ăn

b, Hoạt động của Ban kiểm soát:

Năm 2014 Ban kiểm soát đã thực hiện hoàn thành tốt chức năng nhiệm vụ như: Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban lãnh đạo điều hành Công ty. Kiểm soát tính hợp pháp; tính trung thực, mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng, tài chính năm và các mặt quản lý điều hành của Hội đồng quản trị, lãnh đạo quản lý điều hành.

5. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS và Ban Giám đốc.

a, Chi trả thù lao HĐQT, BKS.

- 05 Thành viên HĐQT Công ty: 283.200.000 đồng

- 03 Thành viên BKS Công ty: 156.000.000 đồng

- Tổng số tiền chi trả thù lao năm 2014 là: 439.200.000 đồng (Bốn trăm ba mươi chín triệu. hai trăm nghìn đồng chẵn).

b, Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.

c, Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

V. Báo cáo tài chính:

Căn cứ luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 29/6/11/2005;

Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Thiết bị điện - Vinacomin đã được đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/12/2006;

Căn cứ Quyết định số 175/QĐ-HĐQT ngày 28/4/2007 về việc ban hành quy chế tài chính Công ty Cổ phần Thiết bị điện – Vinacomin;

Căn cứ quy chế số 769/QĐ-HĐQT ngày 30/10/2014 về việc ban hành quy chế quản lý lao động và tiền lương Công ty Cổ phần Thiết bị điện – Vinacomin;

Căn cứ quy chế số 174/QĐ-HĐQT ngày 28/4/2007 về việc ban hành quy chế chi phí dịch vụ, hoa hồng môi giới và chi tiền hoa hồng trong giao dịch, môi giới bán hàng Công ty Cổ phần Thiết bị điện – Vinacomin;

Căn cứ Báo cáo Tài chính năm 2014 do Công ty lập và các chứng từ kế toán lưu tại phòng KTTTC của Công ty và báo cáo kiểm toán số 21/2014/BCKT- AFCHN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam;.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014.

Căn cứ Chế độ chính sách hiện hành của các Cơ quan quản lý Nhà nước và của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam

1. Báo cáo tài năm 2014 chính đã được kiểm toán:

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	MS	TM	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
A – TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		115.510.334.852	127.615.929.522
I..Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	2.542.835.398	1.445.134.716
1. Tiền	111		2.542.835.398	1.445.134.716
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02		
III. Các khoản phải thu	130		81.776.960.689	101.625.293.310
1. Phải thu của khách hàng	131		82.927.098.458	103.052.440.420
2. Trả trước cho người bán	132		170.898.166	28.875.000
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	289.944.998	204.048.019
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	139		(1.610.980.933)	(1.660.070.129)
IV. Hàng tồn kho	140	V.04	31.041.016.659	24.118.570.740

1. Hàng tồn kho	141		35.540.182.665	28.493.507.855
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho			(4.499.166.006)	(4.374.937.115)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		149.522.106	426.930.756
1. Chi phí trả trước ngắn hạn				
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	18.870.090	27.539.686
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		130.652.016	399.391.070
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		15.479.389.583	7.908.714.468
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		15.099.663.506	7.501.880.262
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	6.742.207.140	7.272.952.952
- Nguyên giá	222		89.991.089.843	92.519.064.636
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(83.248.882.703)	(85.246.111.684)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	8.357.456.366	228.927.310
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13		
V. Tài sản dài hạn khác	260		379.726.077	406.834.206
3. Tài sản dài hạn khác	268		379.726.077	406.834.206
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		130.989.724.435	135.524.643.990
NGUỒN VỐN	MS			
A - NỢ PHẢI TRẢ (310 + 330)	300		99.638.932.706	102.602.052.071
I. Nợ ngắn hạn	310		93.269.647.037	97.015.393.371
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	45.626.556.406	50.232.906.222
2. Phải trả cho người bán	312		25.057.105.189	25.549.872.438
3. Người mua trả tiền trước	313		124.065.347	64.490.420
4. Thuế và các khoản phải nộp NN	314	V.16	300.639.373	1.955.893.540
5. Phải trả người lao động	315		9.243.172.694	7.295.048.019
6. Chi phí phải trả	316	V.17	120.972.222	
7. Phải trả nội bộ	317		8.244.195.865	7.655.564.573
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	2.205.100.557	2.412.065.517
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi			2.347.839.384	1.849.552.642
II. Nợ dài hạn	330		6.369.285.669	5.586.658.700
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		6.369.285.669	5.586.658.700
8. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ				
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		31.350.791.729	32.922.591.919
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	33.499.638.169	32.922.591.919
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		22.000.000.000	22.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		4.020.885.534	1.390.034.529

6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển(414)	417		7.478.752.635	9.532.557.390
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431		-2.148.846.440	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		130.989.724.435	135.524.643.990

Đánh giá, nhận xét qua một số chỉ tiêu:

$$- \text{Hệ số nợ phải trả năm 2014} = \frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Vốn CSH}} = \frac{99.638.932.706}{33.499.638.169} = 2,97 \text{ lần.}$$

2 - Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014

TT	CHI TIÊU	Mã số	TM	2014	2013
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	217.521.514.842	189.506.722.155
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		6.546.553.496	
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.25	210.974.961.346	189.506.722.155
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.28	170.141.130.969	155.583.022.127
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		40.833.830.377	33.923.700.028
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	313.751.113	152.230.425
7.	Chi phí tài chính	22	VI.30	5.097.348.178	4.014.535.536
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.958.833.302	3.767.727.305
8.	Chi phí bán hàng	24		6.003.141.115	-984.546.176
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		21.979.841.287	23.328.557.633
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động K.doanh	30		8.067.250.910	7.717.383.460
11.	Thu nhập khác	31		3.249.556.335	249.955.726
12.	Chi phí khác	32		5.208.422.340	1.974.820.812
13.	Lợi nhuận khác	40		-1.958.866.005	-1.724.865.086
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.108.384.905	5.992.518.374
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	1.567.011.913	1.962.608.339
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập D.nghiệp	60		4.541.372.992	4.029.910.035
18.	Lãi trên cổ phiếu			2.064	1.832

3- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước

CÁC LOẠI THUẾ	Số đầu năm	số phải nộp	số đã nộp	số cuối năm
1 - Thuế GTGT hàng nội địa	1.475.821.705	3.599.030.227	5.000.000.000	74.851.932
2 - Thuế GTGT hàng nhập khẩu		5.408.905.961	5.408.905.961	0
3 - Thuế nhập khẩu		963.667.183	963.667.183	0
4 - Tiền thuế đất		47.076.000	47.076.000	
5 - Thuế thu nhập DN	480.071.835	1.567.011.913	1.821.296.307	225.787.441
6 - Thuế TN Cá nhân	-27.539.686	56.281.452	47.611.856	-18.870.090
7 - Thuế môn bài		3.000.000	3.000.000	
TỔNG CỘNG	1.928.353.854	11.644.972.736	13.291.557.307	281.769.283

4 - Về quỹ tiền lương.

Quỹ tiền lương năm 2014 như sau:

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Số dư đầu năm 1/1/2014	7.295.048.019
2	Số tính vào giá thành năm 2014	33.404.947.870
3	Số chi năm 2014	31.456.823.195
4	Số dư cuối kỳ 31/12/2014	9.243.172.694

5 - Về công tác đầu tư và xây dựng..

Trong năm 2014 Công ty đã đầu tư mua sắm thiết bị và xây dựng công trình tháo dỡ nhà xưởng C với số tiền là: 2.630.851.005 đồng, bao gồm:

- Mua sắm máy điều hòa cho nhà ăn CN : 311.830.000 đồng
- Đầu tư đổi mới nâng cao năng lực chế tạo TBPB(nhà xưởng C): 2.319.021.005đồng

6. Phân phối lợi nhuận:

Căn cứ vào Công văn số 759/TKV –KS ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc phân phối lợi nhuận năm 2014.

- Tổng vốn theo điều lệ: 22.000.000.000 đồng

Trong đó: Tập đoàn TKV 16.883.700.000 đồng

Vốn góp của các cổ đông: 5.116.300.000 đồng

Đơn vị tính. Đồng

TT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ	Số tiền
1	Tổng lợi nhuận trước thuế		6.108.384.905
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	1.567.011.913
3	Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		9.477.646
4	Lợi nhuận sau thuế còn lại		4.531.895.346
4.1	Chia cổ tức	12%	2.640.000.000
	Trong đó: + Cổ tức cổ phần vốn Nhà nước		2.026.044.000
	+ Cổ tức cổ phần phổ thông		613.956.000
5	Lợi nhuận còn lại (3-4-5)		1.891.895.346
5.1	Trích BS quỹ ĐTPSTX	30%	567.568.604

5.2	Quỹ Ban điều hành công ty		100.000.000
6	Số còn lại (1-2-3-4-5-6)		1.224.326.742
6.1	Trích quỹ khen thưởng	70%	857.028.719
6.2	Trích quỹ phúc lợi	30%	367.298.023

VI. Thuyết minh báo cáo tài chính:

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

- Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần chi phối.
- Lĩnh vực kinh doanh: Sản công nghiệp và kinh doanh dịch vụ.(Tại mục 2 phần I).

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt Nam đồng.
- Ngoại tệ khác: Hạch toán nghiệp vụ theo tỷ giá giao dịch thực hiện. Đối với số dư cuối kỳ thì đánh giá theo tỷ giá giao dịch liên Ngân hàng tại thời điểm 31/12

3. Chế độ kế toán áp dụng:

- Chế độ kế toán áp dụng: Theo nguyên tắc giá gốc phù hợp với các quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng trong Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam ban hành theo Quyết định số 2017/QĐ- HDQT ngày 27/12/2006, Quyết định 15/2006 /QĐ – BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính ban hành về chế độ tài kế toán doanh nghiệp.

- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam.

- Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán áp dụng trong Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 2017/QĐ-HDQT ngày 27/12/2006 đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại công văn 16148/BTC-CDKT ngày 20/12/2006 trong công tác tập hợp và trình bày báo cáo tài chính.

- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.

4. Các chính sách kế toán áp dụng:

4.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền, các khoản tương đương tiền: Tiền mặt, tiền gửi, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển gồm:

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền như: Các khoản tiền gửi có kỳ hạn, tín phiếu kho bạc (nếu có).

- Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán, ngoại tệ khác : Hạch toán theo tỷ lệ giá giao dịch thực hiện; số dư cuối kỳ hạch toán theo tỷ giá giao dịch liên Ngân hàng thời điểm 31/12

4.2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Giá trị thuần có thể thực hiện được
- Phương pháp tính giá hàng tồn kho: Phương pháp bình quân gia quyền.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.
- Lập dự phòng giảm giá tồn kho: Căn cứ vào
 - + Theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 02 -HTK; Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho các mặt hàng có giá gốc lớn giá trị thuần có thể thực hiện được.
 - + Theo Thông tư 228/2009/TT- BTC ngày 07/12/2009 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá tồn kho, giảm giá chứng khoán đầu tư, dự phòng nợ khó đòi tại doanh nghiệp.

4.3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, BĐSĐT.

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình: Được trình bày theo nguyên giá hoặc giá trị được đánh giá lại theo quy định của Chính phủ và khấu hao lũy kế.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình: Theo phương pháp khấu hao đường thẳng.

- Tỷ lệ khấu hao hàng năm: Được thực hiện phù hợp với quy định tại Quyết định số 203/2009/QĐ- BTC ngày 20/10/2009 của Bộ tài chính.

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính.

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính: Giá trị theo hợp đồng thuê và chi phí trực tiếp liên quan đến hợp đồng thuê tài chính.

- Nguyên tắc và phương pháp tính khấu hao TSCĐ thuê tài chính: Áp dụng với chính sách khấu hao như KHTSCĐ cùng loại thuộc sở hữu của doanh nghiệp.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư:

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư: Được ghi nhận với các điều kiện:

- + Chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai.

- + Nguyên giá ghi nhận một cách đáng tin cậy

- + Tài sản bất động sản đầu tư gồm: Nhà hoặc 1 phần nhà, quyền sử dụng đất, đất cơ sở hạ tầng nhằm thu lợi từ việc cho thuê.

- Phương pháp khấu hao: Chủ yếu khấu hao vì mục đích là để kinh doanh.

4.5. Nguyên nhân ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác.

- Phương pháp lập dự phòng đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

4.6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản phí đi vay:

- Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất, tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) các chi phí đi vay được vốn hóa khi đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản dở dang phát triển bắt đầu phát sinh khi tài sản dở dang đưa vào sử dụng hoặc bán.

- Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ.

4.7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

- + Chi trả trước.

- + Chi phí khác.

- Phương pháp phân bổ chi trả trước

- Phương pháp phân bổ và lợi thế thương mại.

4.8 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

4.9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.

4.10 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.

4.11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ.

- Hàng hóa, dịch vụ đã giao cho khách hàng

- Đã phát hành hóa đơn được khách hàng tiếp nhận thanh toán không phân biệt đã thu được tiền hay chưa.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính.

- + Tiền gửi: Có báo cáo Ngân hàng.

+ Tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được phân chia từ công ty con, công ty liên kết trên cơ sở các thông báo của đại hội cổ đông.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng: Được ghi nhận trên sở hợp đồng xây dựng với nhà thầu, bao gồm doanh thu ban đầu ghi trong hợp đồng, các điều khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và thanh toán khác.

- Nguyên tắc ghi nhận chi phí hợp đồng xây dựng: Gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến từng hợp đồng, các chi phí chung liên quan đến hoạt động hợp đồng và các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều khoản của từng hợp đồng.

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính.

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

- Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái.

- Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.

Trên đây là báo cáo thường niên của Công ty cổ phần Thiết bị điện – Vinacomin năm 2014 theo hướng dẫn. Công ty kính báo cáo Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội tạo điều kiện quan tâm giúp đỡ, theo dõi chỉ đạo để Công ty hoàn thành tốt các quy định của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước ban hành./.

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước (b/c)
- Sở giao dịch CK Hà Nội.
- Website Công ty.
- Lưu VP, TCLĐ

GIÁM ĐỐC 

Vũ Huy Hoàng